

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 18-8-2023

V/v " ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2023/TB- TA ngày 28-7-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1983

ĐKKHKT: Khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Hiện đang chấp hành án tại đội 59 phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(Nguyên đơn chị N và bị đơn là anh Đ, bà M đều đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-01-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Phùng Văn Đ được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Tắm (nay

là phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương) vào ngày 17 tháng 7 năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại phường Bến Tắm tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau và đánh nhau. Cuộc sống gia đình ngày càng ngột ngạt, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tiếng nói chung, gia đình lúc nào cũng trong trạng thái căng thẳng, không hạnh phúc. Do vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2012 đến nay. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình nhiều lần khuyên giải động viên nhưng không thành. Tháng 4-2022 anh Đ bị bắt về tội liên quan đến ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xử phạt tù, và đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, Thanh Hóa.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị và bố mẹ đẻ. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sắp tới chị đi lao động ở Trung Quốc, chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu cho bố mẹ chị thay mặt chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị hiện nay làm lao động trung bình khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng. Chị đủ khả năng để nuôi dạy cháu. Chị không đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Văn Đ trình bày: Anh và chị N được đăng ký kết hôn vào tháng 6 năm 2005, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm. Trước lúc kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật và hiện đang phải chấp hành án tại trại giam Thanh Phong. Anh và chị N sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị N. Chị N xin ly hôn thì anh vẫn đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006. Hiện nay cháu vẫn đang ở nhà của anh. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không đồng ý cho chị N nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang chấp hành án nếu anh nuôi con thì chị gái anh là Phùng Thị Liên giúp anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung.

Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày: bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị N. Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn. Trong quá trình chung sống anh Đ và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Gia đình bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Bố mẹ đẻ anh Đ hiện nay đều đã mất. Chị N về ở với vợ chồng ông bà khoảng 5 năm nay. Anh Đ chưa lần nào đến nói chuyện với gia đình bà để hòa giải. Nay chị N xin ly hôn anh Đ bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khoảng tháng 3-2023 chị N đi lao động ở bên Trung Quốc. Kể từ khi vợ chồng chị N mâu thuẫn cháu H ở cùng với ông bà. Cháu H được vợ chồng tôi và chị N chăm sóc chu đáo đảm bảo cả về vật chất và tinh thần. Cháu H phát triển bình thường. Thời gian chị N đi lao động ở Trung Quốc vẫn thường xuyên gọi điện và gửi tiền về cho bà nuôi cháu. Anh Đ không đủ điều kiện chăm sóc cháu. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu cho chị N nuôi dưỡng. Vợ chồng bà tiếp tục hỗ trợ chị chăm sóc cháu H trong thời gian chị N vắng nhà.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm xác định: chị Trần Thị N và anh Phùng Văn Đ được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm vào ngày 17-6-2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống làm ăn tại địa pH. Hiện nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Anh Đ đang đi chấp hành án.

Anh chị có 01 con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006. Anh Đ có bố mẹ là Phùng Văn Thoại và bà Hà, 5 chị gái. Chị Phùng Thị Liên hiện nay đã đi lấy chồng ở Bắc Giang, không làm ăn sinh sống tại địa pH. Đại chỉ cụ thể của chị Liên ở đâu thì địa pH không nắm được. Bố mẹ đẻ anh Đ hiện nay đều đã mất.

Tại phiên tòa chị N, anh Đ, bà M đều vắng mặt. Chị N, anh Đ, bà M đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại quá trình giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006 cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm giao cháu H cho bà Hoàng Thị M được chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N vắng nhà.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà chị N, anh Đ, bà M.

Chị N có đơn xin ly hôn anh Phùng Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 3 phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Trần Thị N xuất cảnh ngày 01-3-2023 là sau ngày Tòa án thụ lý nên vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phùng Văn Đ được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương vào ngày 17 tháng 7 năm 2005 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị N và anh Đ cùng xác định vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. Xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện chị N và anh Đ hiện nay sống ly thân không còn quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006. Khi ly hôn chị N và anh Đ cùng có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi xem xét giao con chung cần xem xét về điều kiện cũng như nguyện vọng của cháu H. Hiện nay chị N đi làm có thu nhập ổn định, hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bố mẹ nuôi dưỡng cháu, thường xuyên thăm hỏi cháu. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H vẫn ở cùng với ông bà ngoại và chị N, được chăm sóc đảm bảo về thể chất và tinh thần. Anh Đ hiện nay đang đi chấp hành án không có thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu. Mặt khác bố mẹ anh Đ hiện nay đều đã mất, anh có đề nghị giao cháu cho chị Liên thay mặt anh chăm sóc nhưng chị Liên không có mặt ở địa pH. Do vậy để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, ổn định cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phùng Mai H cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị N vắng nhà tạm giao cho bà Hoàng Thị M là mẹ đẻ chị N được thay mặt chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Mai H, sinh ngày 22-02-2006 cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm giao cháu Phùng Mai H cho bà Hoàng Thị M được chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N vắng nhà.

Anh Phùng Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Phùng Văn Đ cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003670 ngày 16-02-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Đương sự;
- UBND phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt